

Bản án số 114/2024/HC-PT

Ngày 03/4/2024

Về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trương Minh Tuấn, ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 311/2023/TLPT-HC ngày 17/11/2023 về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2024/QĐ-PT ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông Đồng Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: K đường A, tổ E phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là Luật sư Hà Đồng T2, thuộc Văn phòng L; địa chỉ: F H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận L; địa chỉ: A đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn N (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ; địa chỉ: E Q, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Kim H - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai tại quận L, vắng mặt.*

2. Phòng Công chứng số 02 thành phố Đ; địa chỉ: B đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Tuyết N1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ C phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; địa chỉ: A đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

5. Bà Huỳnh Mỹ D, sinh năm 1982; địa chỉ: C N, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

6. Ông Huỳnh Đức T3, sinh năm 1955; địa chỉ: Phường T, quận T, thành phố Đ, có mặt.

7. Bà Huỳnh Mỹ P, sinh năm 1983; địa chỉ: 4 T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/7/2021 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Đồng Văn T trình bày: Vợ chồng ông Đồng Văn T, bà Nguyễn Thị T1 đang quản lý sử dụng thửa đất số 670 (bản đồ 64/CP) tờ bản đồ số 12 diện tích 335m² tại tổ E phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I1459100 ngày 06/12/1996, đã làm nhà ở ổn định không có tranh chấp. Tháng 10/2020 Ông Bà nộp hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo hiện trạng thực tế đang sử dụng kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I1459100 tại Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố Đ chi nhánh quận L. Ngày 10/12/2020 Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ chi nhánh quận L ra Thông báo số 71/TB-CNLC chuyển trả hồ sơ xin cấp lại Giấy chứng nhận của Ông Bà với lý do: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ thì ngày 26/8/2005 ông T và bà T1 đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cho thửa đất số 670 (bản đồ 64/CP) tờ bản đồ số 12 diện tích 355m² và đã được UBND quận L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD157181563 ngày 04/01/2006 thuộc thửa đất số 49 (bản đồ địa chính) tờ bản đồ số 157 diện tích 474,4m² (đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 274,4m²) và diện tích đất nằm trong hành lang an toàn đường điện không cấp 1.039,5m² (có giấy chứng nhận kèm theo). Chi nhánh Văn phòng đất đai đã cung cấp cho ông bà bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AD157181563 ngày 04/01/2006 đứng tên chủ sở hữu là vợ chồng ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị Tuyết N1 ngày 16/01/2006 sau đó bà N1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Tuyết M1 đăng ký biến động ngày 05/02/2010 nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đề nghị ông bà về khai lại nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và bổ sung các giấy tờ liên quan để có cơ sở giải quyết.

Ông Bà cho rằng việc Chi nhánh Văn phòng cung cấp thông tin như trên là không đúng vì sau khi được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 thì Ông Bà chưa bao giờ làm hồ sơ xin đăng ký cấp đổi lần nào hoặc chuyển nhượng cho ai. Việc UBND quận L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số AD 181563 ngày 4/01/2006 đứng tên ông Đồng Văn T, bà Nguyễn Thị T1 và đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Lê Thị Tuyết N1 là xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Bà nên khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD181563 do UBND quận L cấp ngày 04/01/2006 cho ông Đồng Văn T, bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, tổ H, phường H, quận L, đã chỉnh lý biến động sang tên bà

Lê Thị Tuyết N1 ngày 16/01/2006 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 211/HVID ngày 09/01/2006 tại Phòng C, thành phố Đ.

- *Người bị kiện* Ủy ban nhân dân quận L *trình bày*: UBND quận L đã cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD181563 cho ông Đồng Văn T, bà Nguyễn Thị T1 ngày 04/01/2006 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, tổ H, phường H, quận L đã chỉnh lý biến động sang tên bà Lê Thị Tuyết N1 ngày 16/01/2006 theo Hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng ông T với bà N1 là đúng pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố trình bày*: Nguồn gốc đất và cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD181563Đ ngày 04/01/2006 cho ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là ông T và bà T1 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP, theo sổ Mục kê thì ông Đồng Văn T kê khai sử dụng thửa đất số 670, tờ bản đồ số 12, diện tích 355m², loại đất: Thổ cư. Ngày 20/2/2005, ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có Đơn (Mẫu số 04/ĐK) xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ H, Đ, Phường H, quận L, thành phố Đ, Đơn được UBND phường H xác nhận thửa đất có nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất năm 1991, không có tranh chấp khiếu nại. Ngày 27/6/2005, UBND phường H chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xác lập biên bản xác định nguồn gốc và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 670, tờ bản đồ 12 thuộc tổ dân phố số H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo đó, xác nhận thửa đất trên có nguồn gốc do tự khai phá, có diện tích đăng ký theo Nghị định 64/CP diện tích 355m², diện tích thực tế 674m², tăng 319m², thời điểm sử dụng đất năm 1991, thời điểm xây dựng nhà năm 1991 và không có tranh chấp. Trên cơ sở số liệu đo đạc được xác lập và biên bản mô tả ranh giới được các hộ lân cận xác nhận, đồng thời, ngày 04/01/2006 ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 lập biên bản tự chọn đất ở và đất trồng cây lâu năm; hàng năm khác và bảng tổng hợp hồ sơ thửa đất được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tại quận L và Phòng T6 xác nhận. Ngày 29/9/2005, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tại quận L lập phiếu chuyển số 781 về chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, đối với thửa đất nêu trên. Ngày 29/9/2005, Chi Cục thuế quận L phát hành Thông báo số 01073/TB-LPTB Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất với số tiền 4.361.300đồng và ông Đồng Văn T4 đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Ngày 26/12/2005, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T6 có Tờ trình số 715/TT-TN&MT về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đó, ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 181563 (số vào sổ H 01958) ngày 04/01/2006 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, diện tích 674,4m² trong đó (đất ở đô thị 400m², đất trồng cây lâu năm 267,8m²), tại địa chỉ tổ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào nguồn gốc và các quy định của Luật Đất đai thì trường hợp của ông Trần Văn T5 và bà Nguyễn Thị T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2006 ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho bà Lê Thị Tuyết N1 được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tại quận L đăng ký biến động sang tên ngày 16/01/2006. Ngày

27/01/2010, bà Lê Thị Tuyết N1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho bà Nguyễn Thị M1 được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tại quận L đăng ký biến động sang tên ngày 05/02/2010. Ngày 30/12/2010, bà Nguyễn Thị M1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho bà Huỳnh Mỹ D được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tại quận L đăng ký biến động sang tên bà Huỳnh Mỹ D ngày 04/01/2011. Ngày 02/3/2011, bà Huỳnh Mỹ D nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND quận L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 651484 ngày 24/3/2011, tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, địa chỉ Tổ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Ngày 12/7/2017, bà Huỳnh Mỹ D tặng cho toàn bộ diện tích cho ông Huỳnh Đức T3 và được Chi nhánh Văn phòng Đ tại quận L đăng ký biến động sang tên theo hồ sơ số 006937.TA.001 ngày 10/01/2018. Ngày 30/9/2021, ông Huỳnh Đức T3 tặng cho toàn bộ diện tích đất cho bà Huỳnh Mỹ P được Chi nhánh Văn phòng Đ tại quận L đăng ký biến động sang tên theo hồ sơ số 006937.TA.002 ngày 08/10/2018.

Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận thì Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố nhận thấy quá trình xác lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) cơ bản đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế thửa đất số 670, tờ bản đồ số 12, diện tích 355m² (theo Nghị định 64/CP) đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 94100 ngày 06/12/1996 cho hộ ông Đồng Văn T. Như vậy, đáng lẽ ra, ông Đồng Văn T phải nộp Giấy chứng nhận nêu trên để Cơ quan Đăng ký đất đai lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đối với thửa đất số 670, tờ bản đồ số 12 chứ không phải lập thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp lần đầu); do đó, việc ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 181563 (số vào sổ H 01958) ngày 04/01/2006 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, diện tích 674,4m² (trong đó đất ở đô thị 400m², đất trồng cây lâu năm 267,8m²) tại Tổ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là không đúng quy định. Hơn nữa, thửa đất được cấp Giấy chứng nhận số AD 181563, ngày 04/01/2006 có một phần diện tích nằm trên thửa đất số 176, 177 tờ bản đồ số 12, loại đất màu do UBND xã quản lý (theo Nghị định 64/CP) nhưng được công nhận đất ở không thu tiền sử dụng đất là chưa phù hợp. Văn Phòng Đ cung cấp toàn bộ hồ sơ và quan điểm liên quan đến vụ án để Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng làm cơ sở xem xét, quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đức T3 trình bày:* Ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD181563 tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, địa chỉ thửa đất tổ H phường H, quận L, diện tích đất ở 400m², diện tích đất khuôn viên 274,4m², diện tích xây dựng 267,8m², diện tích sử dụng 267,8m². Ngày 09/01/2006 ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho bà Lê Thị Tuyết N1. Ngày 27/01/2010 bà Lê Thị Tuyết N1 chuyển nhượng lại toàn bộ nhà đất cho bà Nguyễn Thị M1 có lập Hợp đồng Công chứng, nhưng bà N1 bị Ngân hàng kê biên nên chuyển nhượng cho bà M1 để trả nợ Ngân hàng. Ngày 30/12/2010 bà M1 chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất cho bà Huỳnh Mỹ D, ngày 27/12/2017 bà D tặng cho

toàn bộ nhà và đất cho ông Huỳnh Đức T3; ngày 30/9/2021 ông T3 tặng cho toàn bộ nhà và đất cho bà Huỳnh Mỹ P. Trong thời gian sử dụng và chuyển nhượng kéo dài 14 năm không có tranh chấp nên nay ông T khởi kiện thì ông T3 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 11/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD181563 do Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/01/2006 cho ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, địa chỉ Tổ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đã chỉnh lý biến động vào ngày 16/01/2006 cho bà Lê Thị Tuyết N1, sinh năm 1963, thường trú tại tổ C, phường C, quận T, Đà Nẵng nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 211/HVID ngày 09/01/2006 tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng và chỉnh lý biến động vào ngày 05/02/2010 cho bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1950, thường trú tại A L, Đà Nẵng nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hồ sơ số 20201.000314.CN.VP ngày 27/01/2010 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận L, thành phố Đà Nẵng.

Án phí hành chính sơ thẩm ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số 0002927 ngày 28/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ông Đồng Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông T giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của ông Đồng Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD181505 do UBND quận L

cấp ngày 04/01/2006 cho ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, địa chỉ tổ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng với lý do là có người đã làm giả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên chứ ông Đồng Văn T không làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục để trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký ghi tên “Đồng Văn T” trong hồ sơ đề nghị UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD181563 ngày 04/01/2006 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, địa chỉ tổ H, phường H, quận L. Tại Kết luận giám định số 496/KL-KTHS ngày 14/6/2023 (bút lục 327) Phòng K Công an thành phố Đ kết luận “*chữ ký, chữ viết mang tên Đồng Văn T dưới mục “Người viết đơn” trên tài liệu cần giám định - Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* đề ngày 20/02/2005 ký hiệu AI (bút lục 325) so với chữ ký, chữ viết của Đồng Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ MI đến M9 do cùng một người ký và viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Đồng Văn T dưới mục “Chủ sử dụng đất” mục III trên tài liệu cần giám định - ***Biên bản mô tả ranh giới thửa đất*** ký hiệu A2 (bút lục 324) so với chữ ký, chữ viết của Đồng Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ MI đến M9 không phải do cùng một người ký và viết ra”. Xét thấy, căn cứ kết luận giám định thì chữ ký, chữ viết trên ***Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** ngày 20/02/2005 là chữ ký, chữ viết của ông Đồng Văn T nên trình bày của vợ chồng ông T cho rằng Ông Bà không làm hồ sơ xin UBND quận L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, địa chỉ tổ H, phường H, quận Liên Chiểu ngày 04/01/2006 là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với nội dung kết luận giám định chữ ký, chữ viết dưới mục “*Chủ sử dụng đất*” trên tài liệu ***Biên bản mô tả ranh giới thửa đất*** không phải là chữ ký, chữ viết của ông Đồng Văn T thì xét Biên bản mô tả ranh giới thửa đất chỉ có giá trị khi xem xét ranh giới, diện tích thửa đất khi có tranh chấp mà không có giá trị để xác định vợ chồng ông Đồng Văn T không lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ 157 vào năm 2005.

[3] Xét, trình bày của vợ chồng ông T cho rằng Ông Bà không ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09/01/2006 tại Phòng Công chứng số B thành phố Đà Nẵng về việc chuyển nhượng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, địa chỉ tổ H, phường H, quận L cho bà Lê Thị Tuyết N1 (bút lục 48) thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, ông T không đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông Đồng Văn T, bà Nguyễn Thị T1 trong Hợp đồng chuyển nhượng và ông T không yêu cầu giải quyết hủy Hợp đồng chuyển nhượng nên nếu vợ chồng ông T cho rằng Ông Bà không ký Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 49 cho bà Nguyễn Thị T1 thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự riêng.

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ trích dẫn và phân tích nêu trên, cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD181563 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 04/01/2006 cho ông Đồng Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 157, tại địa chỉ tổ H, phường H, quận L và yêu cầu hủy phần chỉnh lý biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận L là

có cơ sở, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của ông Đồng Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Ông Đồng Văn T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Đồng Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ông Đồng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Đồng Văn T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0009852 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
(để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân